****

**Thúc đẩy Đối thoại Liên Văn hoá vì Văn hoá Hoà bình ở Đông Nam Á thông qua nền tảng Lịch Sử Chung**

**Chủ đề 1:**

**Con người và Nơi chốn**

**Bản dịch không chính thức. Xin xem bản tiếng Anh nếu cần kiểm chứng.**

**Giới thiệu**

Chủ đề ***Con người và Nơi chốn*** xem xét về tầm quan trọng của môi trường ở địa phương và vai trò của chúng trong việc hình thành cộng đồng ở Đông Nam Á. Chủ đề này đưa ra bối cảnh để hiểu về sự đa dạng cũng như sự tương đồng trong khu vực bằng cách thừa nhận đặc trưng riêng mà chung của môi trường Đông Nam Á. Các nghiên cứu trường hợp rút ra từ các ví dụ vừa cổ xưa vừa hiện đại nhấn mạnh những lịch sử và kinh nghiệm có liên quan đến nhau của các cộng đồng sống trong những cảnh quan đa dạng của khu vực này. Mỗi bài học tập trung giới thiệu về một môi trường riêng (*nơi chốn)* trong quá khứ của người Đông Nam Á và / hoặc một cộng đồng cụ thể *(con người )* của Đông Nam Á.

Cùng với các chủ đề khác, chủ đề này làm rõ những loại cộng đồng đã xuất hiện và tương tác ở các vùng địa lý khác nhau ở khắp nơi trong khu vực. Bằng cách khai thác cách thức người dân trên toàn khu vực chia sẻ lối sống và thế giới quan của họ, học sinh được khích lệ để tư duy về mối quan hệ giữa sự phát triển của các điểm tương đồng này với phạm vi môi trường nơi chúng nảy sinh. Tóm lại, học sinh sẽ được khuyến khích mở rộng thế giới quan vượt ra khỏi cuộc sống hiện tại cũng như nơi các em sống và các mối quan hệ cá nhân của các em.

Các đặc điểm địa lý tạo nên cấu trúc cho Chủ đề này (vùng đất thấp / vùng cao nguyên / vùng đồng bằng ven biển) cung cấp một tham chiếu để so sánh với các nhóm xã hội khác sống trong cùng một môi trường tương tự. Đôi khi các học giả phân chia khu vực này thành hai vùng rộng --- lục địa và hải đảo - nhưng cả hai khu vực này đều có ba đặc điểm địa lý nêu trên. Những cảnh quan thiên nhiên tương đồng này --- vùng đất thấp, vùng cao nguyên và vùng đồng bằng ven biển --- có thể được tìm thấy ở hầu hết các phần của khu vực được gọi là Đông Nam Á này.

Các dân tộc vùng cao ở Thái Lan và Sulawesi; các cộng đồng trong thung lũng sông Irrawaddy vàđồng bằng trồng lúa của người Indonesia ; và vùng ven biển của bờ biển phía Tây bán đảo Malay / Tam giác san hô là điểm khởi đầu cho việc tư duy về những mối quan hệ này. Mục đích là để chứng minh rằng mặc dù có sự khác biệt về thời gian và địa điểm; các dân tộc vùng cao (người dân vùng thấp hoặc người dân miền duyên hải) trong khu vực có lối sống tương tự nhau và cùng chung những kinh nghiệm lịch sử giống nhau. Như vậy, giáo viên có thể sử dụng những nhóm tộc người và các hoàn cảnh môi trường khác nhau để cung cấp cho học sinh những ví dụ gần gũi hơn với cuộc sống của các em

**Tổng quan về Chủ đề**

***Con người và Nơi chốn*** xem xét mối tương quan giữa các dân tộc Đông Nam Á với các môi trường khác nhau của họ qua thời gian và không gian. Học sinh sẽ tìm hiểu những điều kiện địa lý, môi trường, khí tượng và vật chất ảnh hưởng tới người dân trong khu vực từ thời xa xưa đến ngày nay như thế nào. Qua lịch sử của các cộng đồng dân cư vùng cao nguyên, vùng đất thấp , và vùng ven biển, Chủ đề này nhấn mạnh đến phong cách sống trong những môi trường khác nhau mang đến những trải nghiệm chung mặc dù có sự khác biệt về quốc tịch, ngôn ngữ, biên giới, tôn giáo, và dân tộc. Học sinh sẽ trân trọng sự đa dạng của cảnh quan khu vực Đông Nam Á thông qua lịch sử đã gây ảnh hưởng đối với con người nơi đây như thế nào và nơi họ sinh sống đã định hình con người họ ra sao.

Sáu kế hoạch bài học được sắp xếp thành ba phần dựa vào cảnh quan, địa điểm, và thời gian. Mỗi một cảnh quan trong số ba cảnh quan (vùng đất thấp, vùng cao nguyên, và vùng ven biển) có hai tiết học tương ứng về một cộng đồng cổ xưa và một cộng đồng đương đại. Mỗi kế hoạch bài học đều có một bài tập để phát triển một kỹ năng nghiên cứu lịch sử hay phân tích cụ thể. Những tiết học này có thể được dạy riêng lẻ hoặc song song.

**Bài 1. Vùng đồng bằng ngập nước và hệ thống sông ngòi: trường hợp vùng Irawaddy và Vương quốc Bagan**

Bài học này xem xét nông nghiệp lúa gạo đã trở thành trọng tâm của sự hình thành cộng đồng vùng đất thấp Đông Nam Á như thế nào. Đến cuối tiết học, học sinh sẽ có thể hiểu được mối quan hệ giữa môi trường và văn hóa - cụ thể là tôn giáo và nông nghiệp, cũng như nhận thức được rằng quan điểm của chúng ta về thế giới được hình thành một phần bởi nền văn hóa của chúng ta. Bài học này tập trung chính vào Vương quóc Bagan, tuy nhiên nghiên cứu trường hợp này có thể bổ sung hoặc thay thế bằng những địa điểm quen thuộc hơn với học sinh như sông Mê-kong, sông Hồng, Sông Chao Phraya.

**Bài 2. Lối sống và nền nông nghiệp lúa nước ở những vùng đất thấp; trường hợp Java**

Bài học này giới thiệu cách thức con người bày tỏ về các mối quan hệ của họ với môi trường ở Đông Nam Á. Cuối mỗi bài học, học sinh sẽ có thể phản ánh về các lễ ăn mừng của cộng đồng thể hiện các khía cạnh của các giá trị tôn giáo và ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp như thế nào, thấy được điểm tương đồng trong niềm tin về trồng lúa ở các vùng khác nhau của Indonesia và tầm quan trọng mang tính lịch sử của hoạt động nông nghiệp trong vũ trụ học của người Đông Nam Á. Bài học này tập trung chủ yếu về các lễ nghi và niềm tin ở Indonesia, nghiên cứu trường hợp có thể bổ sung hoặc thay thế bằng các ví dụ cụ thể từ các cộng đồng nông nghiệp ở những vùng đất thấp.

**Bài 3. Vùng cao nguyên và nông nghiệp: trường hợp Vương quốc Lanna**

Bài học này nghiên cứu sự phát triển lịch sử trong một khu vực đa dạng về văn hóa và môi trường. Qua bài học này, học sinh sẽ có thể hiểu được lịch sử phát triển của một xã hội đa văn hóa trong một môi trường vùng cao nguyên, coi trọng sự đa dạng sinh thái ở vùng cao nguyên, và có được hiểu biết sâu sắc về cách thức mà các cộng đồng khác nhau với các ưu tiên khác nhau có thể phát triển trong một môi trường chung như thế nào. Bài học này tập trung chủ yếu vào Vương quốc Lanna, tuy nhiên nghiên cứu trường hợp có thể bổ sung hoặc thay thế bằng sự việc quen thuộc hơn như là các minh chứng của địa phương về ruộng bậc thang hoặc là nông nghiệp vùng cao nguyên.

**Bài 4. Nhà trên cao nguyên: *Honai* và *Tongkonan***

Mục đích của bài học này là trình bày về những ngôi nhà trên vùng cao nguyên ở Đông Nam Á là sự phát triển nhanh chóng của môi trường phụ cận và chúng đã thể hiện các đặc trưng quan trọng của cấu trúc xã hội và văn hóa như thế nào. Đến cuối bài học, hy vọng học sinh sẽ hiểu được mọi nền văn hóa đều được hình thành bởi môi trường của chúng và họ sẽ được trau dồi sự trân trọng những lối sống khác với lối sống của họ . Bài học này tập trung chủ yếu vào kiến trúc ở cao nguyên Indonesia, nghiên cứu trường hợp có thể bổ sung hoặc thay thế bằng ví dụ từ các cộng đồng cao nguyên khác.

**Bài 5. Bờ Tây bán đảo Malay: Vương quốc Malacca**

Bài học này giới thiệu khái niệm về một vương quốc dựa trên cơ sở thương mại là chính, không phải nông nghiệp. Qua bài học này học sinh sẽ có những kiến ​​thức về sự phát triển của cộng đồng ven biển và các mối quan hệ giữa văn hóa và môi trường. Học sinh sẽ hiểu được đồng bằng và môi trường ven biển đã ảnh hưởng tới lối sống và thế giới quan cụ thể như thế nào. Cuộc sống ven miềnsông nước lớn đã thúc đẩy sự trao đổi thương mại, đưa mọi người đến với nhau bất chấp sự khác biệt về ngôn ngữ và tôn giáo. Bài học này tập trung chủ yếu về Vương quốc Melaka, tuy vậy, nghiên cứu trường hợp có thể bổ sung hoặc thay thế bằng sự việc gần gũi hơn, như là các ví dụ cụ thể ở địa phương về các thành phổ cảng.

**Bài 6. Cuộc sống miền ven biển ;trường hợp người *Sama/Bajau* ở vùng Tam giác San hô:**

Bài học này sẽ giúp học sinh làm quen với vùng địa lý Tam giác san hô và lãnh thổ của các nhóm "người du mục trên biển" sinh sống trên các hòn đảo ở Đông Nam Á. Học sinh cũng sẽ nhận thức được về những thay đổi trong hoạt động đánh bắt đang ảnh hưởng đến sinh kế của người dân trong khu vực Đông Nam Á như thế nào. Học sinh sẽ xem xét sự phức tạp của các tác động kinh tế, xã hội và văn hóa của vấn đề bảo tồn từ quan điểm của các nhóm thiểu số ở Đông Nam Á.

**Yêu cầu của chủ đề**

* Lịch sử của các tộc người Đông Nam Á (các cộng đồng), Nơi chốn (môi trường) đưa ra một nền tảng cơ sở mà nó mở rộng vượt ra ngoài ranh giới và cách viết sử thông thường bằng cách kết hợp phương pháp tiếp cận từ các lĩnh vực lịch sử xã hội và môi trường.
* Việc tập trung vào sự tương tác giữa các cộng đồng và môi trường của họ cung cấp một nền tảng giảng dạy cho phép kiểm chứng và so sánh lịch sử của các địa phương khác nhau trong khu vực cũng như các vùng xuyên ranh giới / biên giới
* Nêu bật sự tồn tại của môi trường chung thu hút sự chú ý đến cách các dân tộc khác nhau trong khu vực đã từng sống và nhìn nhận thế giới của họ theo những cách tương tự như thế nào, không kể sự khác biệt về ngôn ngữ, sắc tộc hay tôn giáo.
* Mặc dù có sự khác nhau về chính trị, ngôn ngữ, tôn giáo và văn hóa, mỗi quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đều có cả người dân sống ở vùng cao và ngườidân sống ở vùng đồng bằng, cung cấp một nền tảng cho sự hiểu biết về khu vực qua biên giới và ranh giới.

**Mục tiêu học tập**

* Phát triển kỹ năng phân tích. Học sinh (và giáo viên) sẽ có được những cách suy nghĩ mới về lịch sử và giảng dạy lịch sử (nói chung) thông qua phương pháp tiếp cận liên ngành này
* Học sinh sẽ được khuyến khích tư duy về (a) sự kết nối giữa môi trường, cộng đồng, và hành vi và (b) cách thức mà các dân tộc trong khu vực chia sẻ những kinh nghiệm tương tự trong việc quản lý và thích ứng với nơi họ sống.
* Phát triển các kỹ năng ứng dụng. Học sinh sẽ có cơ hội để suy nghĩ về khu vực và cuộc sống của mình thông qua nền tảngkhông gian / địa điểm; một phương diện có thể làm phức tạp thêm cách giảng dạy về bản sắc và nguồn gốc của cá nhân
* Tìm hiểu nội dung. Học sinh sẽ được tiếp xúc với lịch sử và kinh nghiệm của những cộng đồng và môi trường ở các vùng khác của khu vực Đông Nam Á, những vấn đề này có thể không có trong sách giáo khoa của quốc gia mình.
* Học tập dựa trên giá trị. Ý tưởng cho rằng các dân tộc Đông Nam Á có thể có một kinh nghiệm lịch sử và môi trường tương đồng (nhưng đa dạng) có thể tạo nên nhiều cách quan niệm về bản sắc và sự cảm nhận mình thuộc về đâu.

**Nội dung Chủ đề**

Sáu kế hoạch bài học được sắp xếp thành ba phần dựa trên cảnh quan, địa điểm, và thời gian. Mỗi phần trong số ba cảnh quan này (vùng đất thấp, vùng cao, và vùng biển) có hai bài học tương ứng, bao gồm một cộng đồng cổ xưa và một cộng đồng hiện đại. Mỗi kế hoạch bài học đều có một bài tập để phát triển kỹ năng nghiên cứu lịch sử hay phân tích cụ thể. Những bài học này có thể sử dụng riêng lẻ hoặc song song.

I. Vùng đất thấp

Bài 1. Vùng đồng bằng ngập nước và hệ thống sông ngòi: trường hợp vùng Irawaddy và Vương quốc Bagan

Bài 2. Lối sông và nông nghiệp lúa nước ở những vùng đất thấp; trường hợp Java

II. Vùng cao nguyên

Bài 3. Cao nguyên và nông nghiệp: trường hợp Vương quốc Lanna

Bài 4. Nhà trên cao nguyên: *Honai* và *Tongkonan*

III. Vùng ven biển

Bài 5. Bờ Tây bán đảo Malay: Vương quốc Malacca

Bài 6. Cuộc sống miền ven biển; Trường hợp Người *Sama / Bajau* ở vùng Tam giác san hô

**Bài viết Tóm tắt**

**Bối cảnh**

Nói đến Đông Nam Á thường là đề cập đến các vùng lãnh thổ khác nhau nằm dọc theo bờ biển phía đông của vịnh Bengal; các vùng đất phía đông nam của dãy Himalaya; và các đảo nằm ở phía bắc của lục địa Australia cùng các giới hạn xích đạo phía tây của Thái Bình Dương. Khu vực này thường được chia thành hai vùng: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Trong hai vùng này, hoạt động của con người và xã hội phát triển trong ba cảnh quan của khu vực: vùng đất thấp, vùng cao nguyên, và vùng ven biển.

Vùng đất thấp là nói đến hệ thống thung lũng các con sông, đồng bằng, vùng đất ngập nước và rừng nhiệt đới. Những không gian này có lợi cho việc thúc đẩy sự luân chuyển, phổ biến văn hóa, ngôn ngữ, quy tắc, giá trị, lối sống, và thế giới quan. Nhiều nền văn minh cổ và những nhà nước hiện đại sớm của khu vực như Bagan, Angkor, Đại Việt, Sukothai, và Mataram ở miền trung Java đều dựa trên hệ thống sông vùng đất thấp là nơi sự hội nhập dễ dàng đạt được hơn và là nơi phần lớn người dân sinh sống. Ngày nay, nhiều thành phố lớn và các trung tâm đô thị của khu vực chủ yếu nằm ở vùng này.

Vùng cao nguyên là nói đến các môi trường gắn với độ cao hơn so với mặt biển, chẳng hạn như cao nguyên, đồi núi, và các dãy núi. Các khu vực này thường thưa thớt dân cư, sự di chuyển hạn chế, đa dạng hơn (về ngôn ngữ, văn hóa và dân tộc) và phù hợp hơn với loại hình canh tác nương rẫy hạn chế. Các cộng đồng xuất hiện ở các khu vực này thường nhỏ, cuộc sống tự túc và phân mảnh hơn về chính trị. Các cộng đồng vùng cao thường tham gia vào thương mại đường bộ và tương tác thường xuyên với các đối tác vùng đất thấp, song vẫn giữ lối sống riêng biệt. Ngày nay, nhiều nhóm dân tộc thiểu số đến từ những vùng cao này và tiếp tục khẳng định một ý thức đặc biệt về bổn phận liên quan với dân cư vùngđất thấp .

Vùng ven biển là nói về các môi trường gắn với các vùng biển và vùng đất nằm ngang mặt nước mặn như vùng đồng bằng, đầm lầy và rừng ngập mặn. Vùng ven biển, theo định nghĩa chủ yếu là nghiêng về nước, coi đây như là một nguồn cung cấp thứcăn , nó còn làthương mại hàng hải và kết nối với các cộng đồng ven biển khác. Những tộc người, ý tưởng và công nghệ mới thường được du nhập qua sự định cư của người dân ở ven biển, mặc dù đây không phải là điểm duy nhất du nhập vào khu vực. Các cộng đồng hải cảng, như Malacca (thế kỷ 15-16) đã nổi lên tại vị trí giao thương chiến lược, nơi các con sông và đại dương gặp nhau, để trở thành các nút thắt trong một mạng lưới hàng hải rộng lớn trải dài khắp khu vực và giữ vai trò liên kết với các vùng sâu bên trong.

Nhiệt độ khá giống nhau là đặc điểm của khu vực này, mặc dù chắc chắn có những dao động. Nhiệt độ dao động giữa 26 và 30oC dọc theo vùng bờ biển, và nhiệt độ giữa vùng thấp và vùng cao trong nội địa khác nhau đáng kể do độ cao và lượng mưa. Trong khi hầu hết các vùng đồng bằng nội địa có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm vượt quá 30oC, thời tiết vùng cao nguyên có đặc điểm là mát hơn nhiều và thậm chí có tuyết. Một số thung lũng sông vùng đồng bằng (như ở Thượng lưu sông Irrawaddy) và vùng cao nguyên (ở dưới chân núi phía đông nam của dãy Himalaya) thì nhiệt độ khô cằn là nét đặc trưng, tạo nên những điều kiện độc đáo cho các cộng đồng cư dân ở các khu vực này.

Gió đổi theo mùa hay *gió mùa* khiến cho mùa mưa có thể dự đoán được, dẫn đến sự hình thành những nhịp sống nông nghiệp, vật chất, văn hóa, và kinh tế. Thời tiết nóng và rất khô xảy ra trước mùa mưa, tạo ra một chu kỳ nông nghiệp và sự tương phản giữa một cảnh quan cằn cỗi và một cảnh quan màu xanh cây lá tốt tươi. Các mùa thay đổi từ mùa mưa sang mùa khô theo chu kỳ có thể dự đoán được và tạo ra nhịp sống được đánh dấu và tôn vinh bởi nghi lễ của các cộng đồng trong khu vực. Các nghi lễ và thần thoại xung quanh chu kỳ nông nghiệp là một cách phổ biến chứng minh sự kết nối giữa con người với thiên nhiên và các quy luật của vũ trụ.

Cư dân sinh sống ở vùng cao nguyên, vùng đồng bằng và vùng ven biển thích nghi với các điều kiện khí hậu khác nhau vì nhiệt độ và khí hậu là không thống nhất. Tuy nhiên,bằng cách xem xét và so sánh cuộc sống của người dân sống trong các môi trường tương tự, mặc dù có sự chia cắt bởi đường biên giới đương đại, chúng ta có thể bắt đầu thấy được những kinh nghiệm lịch sử chung và kinh nghiệm sống chung của khu vực.

Mặc dù đa dạng là đặc tính nổi bật nhất của khu vực Đông Nam Á, mỗi nước lại sở hữu các tộc người ở vùng cao nguyên và ở vùngđất thấp , và gần như tất cả các nước (trừ Lào)làm nên đặc trưng các cộng đồng miền duyên hải, cung cấp một nền tảng mà qua đó kinh nghiệm và lịch sử chung có thể được nghiên cứu.

**Xã hội**

Khu vực này nổi tiếng về sự đa dạng với một loạt các ngôn ngữ, tín ngưỡng và phong tục. Cảnh quan đa dạng như mô tả ở trên tạo điều kiện thúc đẩy trao đổi ý tưởng, trong khi ở các trường hợp khác, sự tương tác là hạn chế. Mặc dù chênh lệch trong khu vực là đáng chú ý, nhưng các dân tộc lại chia sẻ những kinh nghiệm, lịch sử và những ứng xử chung với môi trường. Các cộng đồng hình thành dọc theo các con sông vùng thấp, hồ/suối vùng cao và vùng ven biển, là những nơi cho phép tiếp cận nguồn thực phẩm, vận chuyển và kế sinh nhai. Qua thời gian, một số nhóm hợp nhất lại, trong khi những nhóm khác duy trì sự độc lập, thích giữ lại cách sống của riêng mình, một phần là do môi trường xung quanh.

Đối với lịch sử của hầu hết các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á trước thế kỷ XIX, do dân số khá hạn chế nên gây ra sự thiếu hụt về nhân lực. Đất đai nhiều nên việc có được một nhóm đông người dân tuân theo ý của mình trồng cây lương thực, chống lại chiến tranh, giáo dục con trẻ, điều hành chính phủ và thương mại hàng hóa chính là thước đo thực sự cho quyền lực. Với sự yếu kém về tổ chức, quan hệ cá nhân đã trở thành cơ sở cho việc kết nối và cưỡng chế. Những người có ảnh hưởng thường hứa hẹn đảm bảo an toàn và an ninh cho những người theo họ, đổi lại là có được sự ủng hộ vô điều kiện của họ. Cơ sở trao đi đổi lại giữa các mối quan hệ xã hội như vậy tiếp tục hình thành nên cách thức con người ngày nay xác định họ là ai và tương tác với nhau như thế nào.

**Giao tiếp**

Người dân của khu vực có thể được xếp theo ngữ hệ, một trong nhiều đặc tính có thể được sử dụng để xác định thuộc tính của khu vực Đông Nam Á. Các nhóm ngôn ngữ lớn nhất là những ngôn ngữ được sử dụng trong đất liền (Mon-Khmer, Tai-Kadai, Tạng-Miến) và những ngôn ngữ trong thế giới hải đảo (Austronesian). Chữ viết được du nhập và thay đổi từ Nam Á và Đông Nam Á, trong khi ngôn ngữ nói bản địa phản ánh sự pha trộn của các ngôn ngữ địa phương và ngôn ngữ nước ngoài. Ví dụ về ngôn ngữ cổ xưa vẫn còn được tìm thấy trong các minh văn khắc trên đá và trong các biên niên sử bằng lá cọ của địa phương. Những nguồn tài liệu này giúp các nhà sử học hiểu được thế giới của quá khứ ở Đông Nam Á. Mặc dù núi rừng và sông suối thường ngăn cản việc phổ biến ngôn ngữ, sự tiếp xúc của nền văn hóa tương đồng cho phép người dân trong khu vực phát triển thế giới quan chung tại các thời điểm khác nhau trong lịch sử của khu vực.

**Văn hoá**

Đông Nam Á được coi là cầu nối mang tính lịch sử, văn hóa, nhân khẩu học, thương mại và ngôn ngữ giữa Nam Á (Ấn Độ) và Đông Á (Trung Quốc) tiểu lục địa. Hơn một ngàn năm tương tác và trao đổi đã hình thành nên các lối sống đặc biệt để phát triển chính là kết quả của các mối liên kết này.

Trong khi hầu hết các đặc trưng văn hóa và xã hội đặc biệt của khu vực đều bắt nguồn từ văn hoá Nam Á và Đông Á, người dân địa phương diễn giải và đúc kết lại các mô hình để phù hợp với các ưu tiên và thế giới quan của riêng họ. Cuộc gặp gỡ hàng thế kỷ của khu vực với đạo Hindu-Bà la môn giáo, Phật giáo, Nho giáo, Hồi giáo, và các nền văn minh phương Tây đã sản sinh ra --- thông qua sáng kiến và hành động ​​địa phương --- một mô hình thích ứng và tái tạo cho phép các dân tộc trong khu vực xác định bản thân và thế giới của họ thông qua các từ vựng địa phương và toàn cầu. Hơn nữa, những cuộc gặp gỡ lịch sử này và thế giới văn hóa tương đồng là một cơ sở quan trọng cho sự hình thành một nền lịch sử chung cho khu vực Đông Nam Á.

**Đời sống vật chất**

Về mặt lịch sử, hầu hết người dân Đông Nam Á sống trong những ngôi nhà sàn cao, là một sự thích ứng mang tính địa phương với khí hậu và nhu cầu với môi trường. Chiều cao của những ngôi nhà, thường cách mặt đất vài feet[[1]](#footnote-1), đặc điểm này làm cho nhà khô ráo vào mùa mưa, mát mẻ vào mùa nóng, cách xa vật nuôi và những thú hoang đi lang thang trong đêm khác. Hầu hết các ngôi nhà được làm bằng tre hoặc các loại gỗ khác với mái tranh hoặc lợp tôn. Nhà có thể thay đổi chút ít về kích thước và hình dạng, nhưng điều quan trọng cần ghi nhớ là những ngôi nhà này được tìm thấy ở khắp nơi trong khu vực và phản ánh sự thích ứng với môi trường và kinh nghiệm của các cộng đồng địa phương.

**Đời sống tinh thần và thực hành nghi lễ**

Sự hiểu biết của khu vực về thế giới tự nhiên và cuộc sống hàng ngày được cho là bị chi phối và điều hành bởi các thần linh. Ở Đông Nam Á, linh hồn được cho là ngụ trong tự nhiên (sông, núi, cây), cả nhà cửa và các cấu trúc khác trong xã hội. Ở khắp nơi trong khu vực, người dân dâng cúng thần linh một số lễ vật, qua nhiều thế kỷ đã phát triển thành các nghi lễ đặc biệt hay các *nghi lễ* tái tạo lại một thời điểm linh thiêng khi dâng cúng lễ vật để xoa dịu thần linh và cầu xin thần linh bảo vệ . Cho dù là tái hiện lễ đi cày hoặc một hành động tôn trọng những vị thần bảo hộ cho một ngôi làng thì nghi lễ và những cảnh tượng cúng lễ đều là một phần của hệ thống tín ngưỡng trong khu vực Đông Nam Á.

**Kết luận**

Ý tưởng về một nền lịch sử chung của khu vực Đông Nam Á đã trở thành một chủ đề quan trọng cho việc nghiên cứu thời hậu Chiến tranh Thế giới II. *Một lịch sử của khu vực Đông Nam Á* của D.G.E. Hall (1955), *Các quốc gia Ấn Độ hoá của Đông Nam Á* của George Coedés (1964) là một trong những công trình sớm nhất khám phá những biến động lịch sử rộng lớn ràng buộc khu vực này lại với nhau. Ý tưởng về khu vực này luôn được kết nối và chịu ảnh hưởng của nền văn minh miền Nam Á và Đông Á thường được sử dụng để biểu đạt kinh nghiệm lịch sử mang tính phổ biến này.

Sự gặp gỡ của khu vực với các nền văn hóa tôn giáo, triết học, đặc biệt là những nền văn hoá có liên quan với Bà La Môn giáo / Phật giáo, Khổng giáo, Hồi giáo và Kitô giáo là một phần của câu chuyện tương tác toàn cầu hơn. Nhiều nơi trong khu vực Đông Nam Á có lịch sử chung, liên quan đến việc ứng phó và biến đổi với các yếu tố để phù hợp với những nhu cầu và ưu tiên của địa phương. Cuộc gặp gỡ gần đây với nền văn minh châu Âu / phương Tây và thế giới quan mang tính thế tục hơn (phi tôn giáo) là một đề tài mới hơn của nền lịch sử chung, tuy vậy việc nó tiếp tục câu chuyện này của khu vực coi như là một giao lộ mang tính toàn cầu.

Các bài học trong phần *Con người và Nơi chốn* phù hợp với sự tương tác lịch sử rộng lớn hơn. Bằng cách thu hẹp ống kính của chúng ta để tập trung vào các cộng đồng và môi trường cụ thể trong khu vực, học sinh sẽ có cơ hội nhìn nhận về cách thức mà những biến động toàn cầu và điều kiện địa phương tương tác với nhau như thế nào để tạo ra một mẫu những kinh nghiệm chung xuyên thế giới lục địa và hải đảo. Mặc dù các thế giới quan đã có thể được lưu truyền qua Phật giáo, Nho giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo, hoặc thông qua những thỏa thuận và giá trị muôn thuở, các dân tộc trong khu vực này đã cùng chung những ứng phó phổ biến mang tính địa phương đối với các không gian họ đã sống và nơi chốn mà họ đã xây dựng.

**Gợi ý Tài liệu tham khảo**

Robbins Burling. *Hill Farms and Paddi Fields: Life in Mainland South-East Asia [Trang trại vùng đồi và những cánh đồng lúa nước: Cuộc sống ở vùng Đông Nam Á lục địa],* ASU Program for SEAS, 1995

Charles Keyes. *The Golden Peninsula: Culture and Adaptation in Mainland South-East Asia [Bán đảo vàng: Văn hoá và sự thích ứng ở vùng Đông Nam Á lục địa]:,* Honolulu: UH Press, 1995

Anthony Reid. *South-East Asia in the Age of Commerce: The Land Below the Winds Volume I*, [*Đông Nam Á trong kỷ nguyên thương mại: Đất ở bên dưới Gió Tập I]* New Haven: Yale University Press, 1988. [Đặc biệt gợi ý cho dự án này]

1. 1 feet = 30,48cm [↑](#footnote-ref-1)